TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 43/2020/QĐST-HNGĐ	*Diễn Châu, ngày 11 tháng 03 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 40/2020/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phượng, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Xóm NL, (nay là xóm A) xã DL, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Xóm NL, (nay là xóm A) xã DL, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 03 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 03 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Văn M, sinh ngày 16/9/1992. Nguyễn Thị T, sinh ngày 02/5/1990. Nguyễn Thị Q, sinh ngày 03/10/1996. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân. Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn H không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung.

- Về quan hệ tài sản: Bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn H có tài sản

chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất thửa đất số X tờ bản đồ số Y diện tích 849,5m^2 tại xóm NL, xã DL, huyện DC, tỉnh Nghệ An. Trong đó có 200m^2 đất ở tại nông thôn (lâu dài) và 649,5m^2 đất trồng cây lâu năm có thời hạn sử dụng đất đến ngày 12/11/2066 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Z ngày 19/12/2017 mang tên chủ sử dụng đất ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị P. Trị giá quyền sử dụng đất là 88.000.000đ (trong đó giá đất ở là 300.000đ/m^2 và 43.000đ/m^2 đất trồng cây lâu năm). Tài sản trên đất có nhà ở cấp 4 và các công tình xây dựng khác trị giá 300.000.000đ. Tổng giá trị tài sản vợ chồng là 388.000.000đ.

- Giao cho bà Nguyễn Thị P được quyền sử dụng một phần đất thuộc thửa đất số X tờ bản đồ số Y diện tích 276,5 (trong đó có 100m^2 đất ở và 140,6m^2 đất trồng cây lâu năm có thời hạn sử dụng đất đến ngày 12/11/2066 và 35,9m^2 đất trồng cây lâu năm (thuộc quy hoạch giao thông nông thôn mới).

Phần đất giao cho bà Nguyễn Thị P có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường bê tông dài 13,4m. Phía Tây giáp thửa đất ONT 141 dài 9,71m+1,58m. Phía Nam giáp phần đất giao cho ông Nguyễn Văn H dài 21,18m+2,68m. Phía Bắc giáp thửa đất LUC 115 dài 18,52m+2.75m. Trị giá quyền sử dụng đất bà Nguyễn Thị P được chia là 37.661.000đ.

Bà Nguyễn Thị P không yêu cầu ông Nguyễn Văn H giao tiền chênh lệch trị giá quyền sử dụng đất do bà P nhận phần đất có diện tích ít hơn ông Hoan

Bà Nguyễn Thị P được quyền sở hữu số tiền 150.000.000đ chênh lệch tài sản trên đất do ông Nguyễn Văn H giao.

Tổng trị giá tài sản chung bà Nguyễn Thị P được chia là 187.661.000đ (một trăm tám bảy triệu sáu trăm sáu mốt nghìn đồng)

- Giao cho ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng một phần diện tích đất của thửa đất số X tờ bản đồ số Y có diện tích 573m^2 (trong đó có 100m^2 đất ở, 298m^2 đất trồng cây lâu năm thời hạn sử dụng đến ngày 12/11/2066 và 175m^2 đất trồng cây lâu năm (thuộc quy hoạch giao thông nông thôn mới). Trị giá quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn H được chia là 50.339.000đ.

Phần đất giao cho ông Nguyễn Văn H có tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường bê tông dài 23,75m. Phía Tây giáp thửa đất ONT 141 dài 15,74m+4.48m. Phía Nam giáp mương nước dài 28,87m. Phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị P dài 21,18m+2,68m.

Ông Nguyễn Văn H được quyền sử hữu nhà cấp 4 và các công trình xây dựng khác trên phần đất được chia.

(Có sơ đồ phân chia kèm theo)

Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ giao cho bà Nguyễn Thị P 150.000.000đ là tiền chênh lệch trị giá tài sản trên đất.

Tổng trị giá tài sản chung ông Nguyễn Văn H được chia là 200.339.000đ.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị P thỏa thuận chịu cả 150.000đ án phí ly hôn sơ

thẩm. Bà Nguyễn Thị P phải chịu 4.690.000đ tiền án phí phân chia tài sản. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.300.000đ bà P đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo biên lai thu số AA/2018/0004963 ngày 10/02/2020

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 5.000.000đ tiền án phí phân chia tài sản chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- VKSDC
- THADC
- TANDT
- Các đương sự
- Lưu HS,VP
- UBND xã DL.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Thế Kỷ